

Số: 870 /QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 14 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2017

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc Ban hành Quy định bộ chỉ số đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND tỉnh Hà Giang về việc thành lập Hội đồng đánh giá mức độ ứng dụng CNTT của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 11/TTr-STTTT, ngày 09 tháng 05 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2017 (có kết quả đánh giá chi tiết kèm theo).

Điều 2. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Nội vụ tiến hành công bố, kết quả đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2017 tại Hội nghị cải cách hành chính của tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện/thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Hà Giang, Đài PT-TH tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- VNPTiOffice;
- Lưu: VT, KTN.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Đức Quý

KẾT QUẢ

Đánh giá mức độ ứng dụng CNTT của các cơ quan hành chính nhà nước

trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2017

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 870/QĐ-UBND ngày 14/5/2018
của UBND tỉnh Hà Giang)



I. Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

STT	Tên Đơn vị	Điểm thành phần						Tổng điểm đạt được (1000)
		Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin	Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan	Trang thông tin điện tử	Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin	Công tác lãnh chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin	Nhân lực cho ứng dụng CNTT	
1	SỞ KHOA HỌC & CN	100	372	85	100	100	85	842
2	SỞ GIAO THÔNG VT	100	378	93	100	60	90	821
3	SỞ THÔNG TIN & TT	100	345	75	100	100	100	820
4	SỞ CÔNG THƯƠNG	100	347	80	98	100	90	815
5	SỞ VĂN HÓA TT&DL	85	361	70	100	100	90	806
6	SỞ TÀI NGUYÊN & MT	96	366	60	92	100	90	804
7	SỞ Y TẾ	96	362	85	95	100	64	802
8	SỞ NGOẠI VỤ	100	356	55	96	100	75	782
9	VĂN PHÒNG UBND TỈNH	100	309	80	99	100	90	778
10	SỞ NỘI VỤ	100	365	68	80	75	75	763
11	SỞ TÀI CHÍNH	100	352	65	100	55	85	757
12	THANH TRA TỈNH	100	338	75	80	100	62	755
13	SỞ LĐTB & XH	81	331	70	100	75	90	747
14	SỞ XÂY DỰNG	98	328	50	80	100	71	727
15	SỞ TƯ PHÁP	83	353	65	100	10	90	701
16	SỞ NN & PTNT	97	332	65	90	50	65	699
17	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐT	96	272	75	70	75	50	638
18	SỞ KH & ĐT	89	323	60	50	40	60	622
19	BAN DÂN TỘC	80	261	60	35	25	55	516

II. UBND các huyện, thành phố

STT	Tên Đơn vị	Điểm thành phần						Tổng điểm đạt được (1000)
		Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin	Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan	Trang thông tin điện tử	Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin	Công tác lãnh chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin	Nhân lực cho ứng dụng CNTT	
1	UBND HUYỆN B. QUANG	88	378	60	98	100	85	809
2	UBND HUYỆN SU PHÌ	94	384	60	99	85	85	807
3	UBND HUYỆN QUẢN BẠ	82	364	62	90	100	75	773
4	UBND THÀNH PHỐ	100	387	40	100	35	90	752
5	UBND HUYỆN BẮC MÊ	100	356	60	100	35	80	731
6	UBND HUYỆN YÊN MINH	80	369	60	90	35	90	724
7	UBND HUYỆN MÈO VẠC	73	334	40	90	85	90	712
8	UBND HUYỆN Đ. VĂN	90	375	35	65	55	90	710
9	UBND HUYỆN Q. BÌNH	90	372	50	70	35	90	707
10	UBND HUYỆN VỊ XUYÊN	95	329	30	55	85	60	654
11	UBND HUYỆN XÍN MÀN	77	286	50	85	35	75	608

ng